TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/HN-ST
Ngày: 11-5-2022
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G – B

Với Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Xuân Nhàn

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Phượng

- **Thư ký phiên tòa**: bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa**: bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 11/5/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2022/TLST-HNGĐ ngày 24/3/2022 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2022/QĐXXST-HN ngày 18/4/2022 và Thông báo số 14/TB-TA ngày 29/4/2022 về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Hồ Minh N, sinh năm 1984; địa chỉ ấp 3, xã S, huyện G, tỉnh B (vắng có đơn).

2. Bị đơn: chị Huỳnh Ngọc P, sinh năm 1984; địa chỉ ấp 3, xã S, huyện G, tỉnh B (vắng có đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/3/2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Hồ Minh N trình bày:

Anh và chị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S (G, B) vào ngày 28/10/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại ấp 3, xã S (G, B). Đến khoảng năm 2006, do bất đồng quan điểm về kinh tế, tiền bạc, chị P không thành thật, gây nợ nên hai bên phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù vậy nhưng anh vẫn tha thứ, thay chị P trả nợ và tiếp tục chung sống. Tuy nhiên, đến năm 2008, do chị P vẫn không thay đổi, hai bên tiếp tục bất đồng, không thể thống nhất quan điểm trong việc làm ăn, kinh tế, tiền bạc nên phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Từ tháng 02/2022, anh về nhà cha mẹ ruột sinh sống và ly thân với chị P cho đến nay.

Hiện tại anh không còn tình cảm với chị P, mâu thuẫn hai bên đã trầm trọng và không còn khả năng hàn gắn. Nếu tiếp tục chung sống, anh e ngại sẽ không thể kìm chế mà đánh chị P khi hai bên bất hòa, do không thể chịu đựng được. Do đó nhằm tránh xảy ra điều đáng tiếc, và cũng để anh bình tâm lại, yên ổn làm ăn lo cho con nên anh yêu cầu ly hôn với chị P. Con chung là Hồ Huỳnh M sinh ngày 24/10/2008 và Hồ Huỳnh N sinh ngày 18/6/2014 hiện ở với anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu trực tiếp nuôi hai con, không yêu cầu chị P cấp dưỡng. Nếu con theo mẹ, anh đồng ý cấp dưỡng cho mỗi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng đến khi con chung tròn 18 tuổi. Tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

** Trong quá trình tố tụng, chị Huỳnh Ngọc P trình bày:*

Chị và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S (G, B) vào ngày 28/10/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại ấp 3, xã S (G, B). Thời gian đầu, hai bên chung sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2021, do bất đồng quan điểm về kinh tế, công việc làm ăn, chuyện tiền bạc nên hai bên phát sinh mâu thuẫn. Tuy nhiên, hai bên vẫn còn ở chung nhà và chưa sống ly thân. Chỉ là do tính chất công việc, anh N thường xuyên đi xa (từ 05 đến 07 ngày); đôi khi cả tháng mới về thăm nhà một lần. Hiện nay, mặc dù chị cũng biết anh N không còn tình cảm với chị nhưng do chị vẫn còn tình cảm với anh N, lo sợ vợ chồng ly hôn sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của hai con chung là Hồ Huỳnh M sinh ngày 24/10/2008 và Hồ Huỳnh N sinh ngày 18/6/2014 nên chị không đồng ý lý hôn. Nếu anh N vẫn muốn ly hôn, chị đồng ý để hai con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, nhưng chị có quyền thăm nom con. Tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

Anh Hồ Minh N, chị Huỳnh Ngọc P vắng nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: Tòa án đã tiến hành thủ tục thụ lý vụ án theo đúng quy định. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Các tài liệu chứng cứ được thu thập đầy đủ làm cơ sở giải quyết đúng quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành các hoạt động tố thụng theo đúng quy định chung về phiên tòa sơ thẩm; thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng tại phiên tòa. Thư ký phiên tòa đã thực hiện các công việc chuẩn bị khai mạc phiên tòa và các nhiệm vụ, quyền hạn của mình đúng quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ và thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án vẫn được xét xử theo đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N về việc yêu cầu ly hôn với chị P, cụ thể:

+ Về hôn nhân: anh N được ly hôn với chị P.

+ Về con chung: giao 02 con chung Hồ Huỳnh M, sinh ngày 24/10/2008 và Hồ Huỳnh N, sinh ngày 18/6/2014 cho anh Hồ Minh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên, ghi nhận anh N không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Vì lợi ích của con, anh N có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con. Chị Huỳnh Ngọc P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của một, cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: cả hai trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thủ tục: tại phiên toà, nguyên đơn, bị đơn vắng nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: do anh N và chị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã S (G, B) vào ngày 28/10/2005 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Trong thời gian chung sống do bất đồng quan điểm nên hai bên phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và ly thân từ tháng 02/2022 đến nay. Trong thời gian ly thân, cả hai không thể hoà giải nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Trong quá trình tố tụng, anh N xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị P, hai bên không có khả năng hàn gắn, giữ nguyên yêu cầu ly hôn và yêu cầu xét xử vắng mặt; chị P mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng cũng thừa nhận hai bên bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày và trong việc làm ăn trong gia đình, anh N không còn tình cảm với chị; mặt khác chị P cũng không đưa ra được biện pháp để xoa dịu mâu thuẫn, tháo gỡ những bất đồng tồn tại giữa vợ chồng để có thể hòa giải, hàn gắn. Tất cả những điều này cho thấy tình trạng mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và không còn khả năng hàn gắn. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của anh N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Hồ Huỳnh M sinh ngày 24/10/2008 và Hồ Huỳnh N sinh ngày 18/6/2014. Xét thấy, mặc dù tính đến thời điểm xét xử hai con chung đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng ở với mẹ. Tuy nhiên, trong cuộc sống hàng ngày, anh N vẫn quan tâm và chăm sóc hai con. Trong quá trình tố tụng, chị P cũng đồng ý giao

con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời, qua xác minh tại địa phương, anh N có công việc ổn định. Do đó xét yêu cầu trực tiếp nuôi con của anh N là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận anh N tự nguyện không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: cả hai khai không có nên không xem xét.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: anh N phải nộp số tiền là 300.000 đồng theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toaø aùn.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Chấp nhận yêu cầu của anh Hồ Minh N được ly hôn với chị Huỳnh Ngọc P.

2/- Con chung: Hồ Huỳnh M sinh ngày 24/10/2008 và Hồ Huỳnh N sinh ngày 18/6/2014.

Giao Hồ Huỳnh M sinh ngày 24/10/2008 và Hồ Huỳnh N sinh ngày 18/6/2014 cho anh Hồ Minh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ghi nhận anh N tự nguyện không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung. Chị P có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/- Tài sản chung, nợ chung: cả hai khai không có nên không xem xét.

4/- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc anh Hồ Minh N phải nộp số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007104 ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Do đó, án phí sơ thẩm, anh N đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B
- VKSND huyện;
- Chi cục THA huyện;
- UBND xã An Ngãi Trung, (Ba Tri, B);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Đặng Thị Ngọc Duyên